TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST Ngày: 29-11-2019 V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dình

Ông Nguyễn Hồng Bốn

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Yến N, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Tsai, Hsi-L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Lãnh thổ Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn chị Dương Thị Yến N bày: Ngày 22-01-2018, chị và anh Tsai, Hsi-L đến Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau đó, anh Tsai, Hsi-L trở về lãnh thổ Đài Loan; đến tháng 07 năm 2018, chị được xuất cảnh ra lãnh thổ Đài Loan sống cùng với anh Tsai, Hsi-L, nhưng do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, nếp sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau. Đến tháng 10 năm 2018, chị trở về Việt Nam sinh sống cho đến nay. Do vợ chồng không thể sống chung với nhau được, nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tsai, Hsi- L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, chị N và anh Tsai, Hsi-L kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam. Sau khi kết hôn, chị N đã xuất cảnh ra lãnh thổ Đài Loan sống chung với anh Tsai, Hsi-L được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và chị N trở về Việt Nam cho đến nay. Cho nên, chị N yêu cầu ly hôn với anh Tsai, Hsi-L, là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn với anh Tsai, Hsi-L; về con chung, tài sản chung và nợ chung, chị N khai không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là vụ án ly hôn giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài, thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị Yến N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 19). Riêng, bị đơn anh Tsai, Hsi-L đang cư trú tại lãnh thổ Đài Loan và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh lập thủ tục, hồ sơ ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Tsai, Hsi-L. Sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, anh Tsai, Hsi-L không có văn bản trình bày ý kiến của mình gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, không có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử vắng mặt, mà anh Tsai, Hsi-L làm đơn yêu cầu Tòa án địa phương Đại Trung Đài Loan giải quyết ly hôn với chị N (BL 36-39). Vụ án ly hôn giữa chị N với anh Tsai, Hsi-L được Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thụ lý trước Tòa án địa phương Đại Trung Đài Loan thụ lý; vụ án ly hôn giữa chị N với anh Tsai, Hsi-L thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cho nên, theo quy định tại khoản 4 Điều 439 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bản án của Tòa án địa phương Đại Trung Đài Loan không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ do chị N cung cấp; căn cứ vào Điều 238 và điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh anh Tsai, Hsi-L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị N và các tài liệu, chứng cứ chị N cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thì chị N và anh Tsai, Hsi-L tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 22-01-2018 (BL 06). Sau khi kết hôn, chị N xuất cảnh ra lãnh thổ Đài Loan sống chung với anh Tsai, Hsi-L được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, nếp sống, sinh hoạt gia

đình, nên tháng 10 năm 2018 chị N nhập cảnh trở về Việt Nam và cư trú tại Việt Nam cho đến nay. Như vậy, có đủ cơ sở xác định đời sống chung giữa chị N với anh Tsai, Hsi-L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chị N yêu cầu ly hôn với anh Tsai, Hsi-L, là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn với anh Tsai, Hsi-L; không xem xét, giải quyết về con chung, về tài sản chung và về nợ chung, là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Theo khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, buộc chị Dương Thị Yến N phải chịu chi phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật bằng 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp chị N đã nộp bằng 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0003868, ngày 22-5-2019 và và biên lai số 0006887 ngày 29-11-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên chị N không phải nộp tiếp.

[9] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, buộc chị Dương Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001126 ngày 17-12-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên chị N không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Dương Thị Yến N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thị Yến N ly hôn với anh Tsai, Hsi-L.

2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Buộc chị Dương Thị Yến N phải chịu bằng 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp chị N đã nộp bằng 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003868 ngày 22-5-2019 và biên lai số 0006887 ngày 29-11-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên chị N không phải nộp tiếp.

6. Về án phí: Buộc chị Dương Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001126, ngày 17-12-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên chị N không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đê